

PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026 (LOẠI HÌNH: CÔNG LẬP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh		Chia ra:							Ghi chú
				Lớp thường		Lớp tích hợp		Lớp chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	13	455					13	455	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Sinh học (35), Tiếng Anh (105), Tiếng Anh (70- Đề án 5695), Tin học (35), Địa lí (35), Lịch sử (35).	
2	THPT Thủ Thiêm	12	540	12	540						
3	THPT Giồng Ông Tố	10	450	10	450						
4	THPT Nguyễn Văn Tăng	18	810	18	810						
5	THPT Nguyễn Huệ	15	675	15	675						
6	THPT Long Trường	15	675	15	675						
7	THPT Phước Long	12	540	12	540						
8	THPT Dương Văn Thị	13	585	13	585						
9	THPT Bình Chiểu	16	720	16	720						
10	THPT Nguyễn Hữu Huân	15	655	13	585	2	70				
11	THPT Thủ Đức	18	810	18	810						
12	THPT Hiệp Bình	13	585	13	585						
13	THPT Linh Trung	18	810	18	810						
14	THPT Đào Sơn Tây	15	675	15	675						
15	THPT Tam Phú	13	585	13	585						
16	THPT Trưng Vương	15	675	15	675						Trong đó: Tiếng Nhật NN 1 (35 học sinh).
17	THPT Bùi Thị Xuân	16	700	14	630	2	70				
18	THPT Ten Lơ Man	12	540	12	540						
19	THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	7	285	4	180	3	105				
20	THPT Lương Thế Vinh	8	330	5	225	3	105				
21	THPT Năng Khiếu TDTT	8	280	8	280						
22	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	9	405	9	405						
23	THPT Lê Quý Đôn	15	525	15	525						Trong đó: Tiếng Nhật NN 1 (35 học sinh).
24	THPT Marie Curie	30	1.000	30	1.000						Trong đó: Tiếng Nhật NN 1 (35 học sinh); Tăng cường tiếng Pháp (70 học sinh).
25	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	16	690	15	655	1	35				Trong đó: Tăng cường tiếng Pháp (70 học sinh).
26	THPT Nguyễn Thị Diệu	17	765	17	765						
27	THPT Nguyễn Hữu Thọ	17	765	17	765						
28	THPT Nguyễn Trãi	12	540	12	540						
29	THPT chuyên Lê Hồng Phong	23	805					23	805	Ngữ văn (70), Toán (105), Vật lí (70), Hóa học (70), Sinh học (70), Tiếng Anh (105), Tiếng Anh (70 - Đề án 5695), Tin học (70), Địa lí (35), Lịch sử (35), Tiếng Trung (35), Tiếng Nhật (35), Tiếng Pháp (35).	

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh		Chia ra:							Ghi chú
				Lớp thường		Lớp tích hợp		Lớp chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
30	THPT Trần Khai Nguyên	15	675	15	675						
31	THPT Trần Hữu Trang	8	360	8	360						
32	THPT Hùng Vương	23	1.035	23	1.035						
33	THPT Phạm Phú Thứ	15	675	15	675						
34	THPT Bình Phú	13	585	13	585						
35	THPT Nguyễn Tất Thành	16	720	16	720						
36	THPT Mạc Đĩnh Chi	24	1.060	22	990	2	70				
37	THPT Ngô Quyền	14	630	14	630						
38	THPT Lê Thánh Tôn	13	585	13	585						
39	THPT Tân Phong	11	495	11	495						
40	THPT Nam Sài Gòn	5	225	5	225						
41	THPT Lương Văn Can	14	630	14	630						
42	THPT Tạ Quang Bửu	13	585	13	585						
43	THPT Nguyễn Văn Linh	15	675	15	675						
44	THPT Võ Văn Kiệt	13	585	13	585						
45	THPT Ngô Gia Tự	14	630	14	630						
46	THPT Phổ thông Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	12	450	6	270			6	180	NK TDTT	
47	THPT Nguyễn An Ninh	14	630	14	630						
48	THPT Nguyễn Khuyến	15	675	15	675						
49	THPT Nguyễn Du	17	595	17	595						
50	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	6	270	6	270						
51	THCS và THPT Diên Hồng	10	450	10	450						
52	THPT Trần Quang Khải	17	765	17	765						
53	THPT Nguyễn Hiền	13	455	13	455						
54	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	16	720	16	720						
55	THPT Võ Trường Toản	10	450	10	450						
56	THPT Trường Chinh	20	900	20	900						
57	THPT Thạnh Lộc	17	765	17	765						
58	THPT Nguyễn Thượng Hiền	18	780	15	675	3	105				
59	THPT Nguyễn Thái Bình	15	675	15	675						
60	THPT Nguyễn Chí Thanh	15	675	15	675						
61	THPT Trần Phú	18	810	18	810						
62	THPT Lê Trọng Tấn	15	650	15	650						
63	THPT Tân Bình	15	675	15	675						
64	THPT Tây Thạnh	20	900	20	900						
65	THPT Gò Vấp	14	630	14	630						
66	THPT Trần Hưng Đạo	20	900	20	900						
67	THPT Nguyễn Công Trứ	19	855	19	855						
68	THPT Nguyễn Trung Trực	20	900	20	900						
69	THPT Võ Thị Sáu	19	855	19	855						
70	THPT Phan Đăng Lưu	15	675	15	675						
71	THPT Hoàng Hoa Thám	19	855	19	855						
72	THPT Trần Văn Giàu	15	675	15	675						
73	THPT Gia Định	22	960	19	855	3	105				
74	THPT Thanh Đa	11	495	11	495						
75	THPT Phú Nhuận	19	825	16	720	3	105				
76	THPT Hàn Thuyên	14	630	14	630						
77	THPT An Lạc	15	675	15	675						
78	THPT Bình Hưng Hòa	16	720	16	720						
79	THPT Vĩnh Lộc	12	540	12	540						
80	THPT Nguyễn Hữu Cánh	14	630	14	630						
81	THPT Bình Tân	16	720	16	720						
82	THPT Tân Túc	17	765	17	765						

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh		Chia ra:							Ghi chú
				Lớp thường		Lớp tích hợp		Lớp chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
83	THPT Bình Chánh	18	810	18	810						
84	THPT Đa Phước	11	495	11	495						
85	THPT Phổ thông Năng khiếu TDTT Bình Chánh	13	510	8	360			5	150	NK TDTT	
86	THPT Lê Minh Xuân	14	630	14	630						
87	THPT Phong Phú	15	675	15	675						
88	THPT Vĩnh Lộc B	17	765	17	765						
89	THPT Củ Chi	16	720	16	720						
90	THPT An Nhơn Tây	18	810	18	810						
91	THPT Phú Hòa	14	630	14	630						
92	THPT Quang Trung	12	540	12	540						
93	THPT Trung Phú	15	675	15	675						
94	THPT Tân Thông Hội	13	585	13	585						
95	THPT Trung Lập	13	585	13	585						
96	THPT Bà Điểm	14	630	14	630						
97	THPT Nguyễn Hữu Tiến	13	585	13	585						
98	THPT Hồ Thị Bi	12	540	12	540						
99	THPT Lý Thường Kiệt	11	495	11	495						
100	THPT Nguyễn Hữu Cầu	14	630	14	630						
101	THPT Phạm Văn Sáng	15	675	15	675						
102	THPT Nguyễn Văn Cừ	14	630	14	630						
103	THPT Dương Văn Dương	14	630	14	630						
104	THPT Long Thới	8	360	8	360						
105	THPT Phước Kiển	12	480	12	480						
106	THPT Cần Thạnh	8	320	8	320						
107	THPT An Nghĩa	7	315	7	315						
108	THPT Bình Khánh	8	360	8	360						
109	THCS và THPT Thạnh An	1	40	1	40						
110	THPT Quốc tế Việt Úc	4	90	4	90						

Tổng cộng danh sách có 110 đơn vị./.